

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108/2020/DS-PT**
Ngày: 18-9-2020
V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên-Kiểm sát viên.

Trong ngày 18-9-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2020/TLPT-DS ngày 07-01-2020, về việc “Tranh chấp Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 14-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2020/QĐ-PT ngày 20-4-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Văn N; Tên gọi khác: H; Sinh năm: 1930; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (đã chết vào ngày 22-10-2015)

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1. Bà Lâm Thị L; Sinh năm 1960; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông Lâm Văn L; Sinh năm: 1966; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Ông Lâm Văn S; Sinh năm: 1970; Địa chỉ cư trú: Số A, Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4. Bà Lâm Thị Hồng H; Sinh năm: 1974; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Bà Lâm Thị Hồng C; Sinh năm: 1975; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6. Ông Lâm Minh H; Sinh năm: 1979; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

7. Ông Lâm Trường G; Sinh năm: 1983; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

8. Bà Lâm Thị Đ; Sinh năm: 1972; Địa chỉ cư trú: Số A, Khu phố A, đường P, Phường A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

9. Bà Lâm Thị H; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (đã chết vào ngày 25-8-2019)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị H:

9.1. Ông Triệu Xuân L; Sinh năm: 1956; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

9.2. Bà Triệu Thị Thanh T; Tên gọi khác: Triệu Xuân T; Sinh năm: 1984; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

9.3. Ông Triệu Xuân L; Sinh năm: 1986; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

9.4. Bà Triệu Thị N; Tên gọi khác: Triệu Thị Mỹ N; Sinh năm: 1988; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

9.5. Ông Triệu Xuân T; Sinh năm: 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

9.6. Ông Triệu Xuân Q; Sinh năm: 1992; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

10. Bà Lâm Thị Y; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (đã chết ngày 28-8-2016)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị Y: Ông Lê Hồng S; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của các ông (bà) Lâm Thị L, Lâm Văn L, Lâm Thị Hồng H, Lâm Thị Hồng C, Lâm Minh H, Lâm Trường G, Lâm Thị Đ, Triệu Xuân L, Triệu Thị Thanh T, Triệu Xuân L, Triệu Thị N, Triệu Xuân T, Triệu Xuân Q, Lê Hồng S: Ông Lâm Văn S; Sinh năm: 1970. Địa chỉ cư trú: Số 213, Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; theo các văn bản ủy quyền ngày 04-4-2016, 05-4-2016 và 18-10-2019. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị B; Sinh năm: 1946; Địa chỉ cư trú: Số A, Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông NLQ1; Sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Số 102, Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà NLQ2; Sinh năm: 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Bà NLQ3; Sinh năm: 1974; Địa chỉ cư trú: Số 151, ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4. Ông NLQ4; Sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Ông NLQ5; Sinh năm: 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6. Bà NLQ6; Tên gọi khác: Thái Thị Kiêm T; Sinh năm: 1980; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của các ông (bà) NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ6: Bà Phạm Thị B; Sinh năm: 1946; Địa chỉ cư trú: Số 100, Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; theo các văn bản ủy quyền ngày 13-10-2010 và 01-11-2018. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Lâm Văn S là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn Lâm Văn N.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và ông Lâm Văn S là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và là người đại diện hợp pháp của các ông (bà) Lâm Thị L, Lâm Văn L, Lâm Thị Hồng H, Lâm Thị Hồng C, Lâm Minh H, Lâm Trường G, Lâm Thị Đ, Triệu Xuân L, Triệu Thị Thanh T, Triệu Xuân L, Triệu Thị N, Triệu Xuân T, Triệu Xuân Q, Lê Hồng S trình bày như sau:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lâm Văn C là cha ông Lâm Văn N để lại khi đó là đất rừng. Trước năm 1975, gia đình ông Ngoánh có khai phá một phần đất diện tích 4.000m², thuộc thửa số 455, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 ngày 30-11-1994 do hộ ông Lâm Văn N đứng tên, do đất rừng nên gia đình ông Ngoánh không có sử dụng và phía bà Phạm Thị B cũng không có sử dụng. Đến tháng 3-2008, bà Bướm đến đắp nền và cất nhà ở. Sự việc xảy ra, ông S có ngăn cản và yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị B di dời nhà và trả lại cho gia đình nguyên đơn diện tích đất theo đo đạc thực tế là 909,4m², thuộc thửa số 455, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng mà bà B đã chiếm sử dụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lâm Văn S cũng thống nhất theo sơ đồ vị trí đất ngày 15-6-2016 xác định phần đất tranh chấp có diện tích 1.425,5m² tại thửa số 455 và thửa số 545 và sơ đồ vị trí đất ngày 31-10-2018 thì xác định phần đất

tranh chấp có diện tích 909,4m² tại thửa số 455 và thửa số 545 và trong phần đất tranh chấp có phần đất thuộc ấp quản lý tại thửa số 545, ông Sơn đồng ý trừ phần đất thuộc thửa số 545 ra còn lại bao nhiêu ông S yêu cầu bà B trả lại cho gia đình ông S.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị B là bị đơn và cũng là người đại diện hợp pháp của các ông (bà) NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ6 trình bày như sau:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Lâm Văn C (là cha chồng bà B) khai phá. Sau khi ông C qua đời, con ông C là ông Lâm Văn N và ông Lâm Văn Th (là chồng bà B) mỗi người một phần đất canh tác, khi đó đất đó là đất rừng và đất mœ mả. Sau đó, vợ chồng bà B, ông C đào ao nuôi cá, thời điểm đó đất không có giá trị, xung quanh là mœ mả, đất rừng và chưa có lộ đạ. Hiện nay, phần đất tranh chấp tiếp giáp lộ đạ, còn những cái mả được người khác lấy cốt đi nên bà B thuê người thổi đất lên mới được thành khoảnh như hiện trạng hiện tại. Từ năm 1976, gia đình bà B canh tác liên tục. Vào năm 2005, gia đình ông N đào ao nuôi tôm nhưng vẫn chừa lại phần đất tranh chấp cho gia đình bà B sử dụng. Đến cuối năm 2005, do nhà bà B ở dưới mé sông bị hư nên gia đình bà B thuê người đắp nền nhà tại phần đất tranh chấp để di dời nhà lên (có con rể ông N cũng tham gia đắp nền nhà cho bà B), lúc đó gia đình ông N không tranh chấp. Đến năm 2008, bà B cất nhà thì gia đình ông N ra tranh chấp, bà B xác định phần đất thì gia đình bà B đã sử dụng từ năm 1976 đến nay, khi ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này thì bà B không hay biết. Hiện nay, phần đất tranh chấp do bà B cùng các con là NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 và NLQ6 quản lý, sử dụng. Nay bà Bướm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 và NLQ3 trình bày như sau: Ông Thống và bà Pha thống nhất với lời trình bày của bà B.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại bản án sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 14-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

- Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009, về án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 165 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Văn N, về việc yêu cầu bị đơn Phạm Thị B trả lại phần đất thuộc thửa số 455, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng với diện tích là 647,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00001/QSDĐ ngày 30-11-1994 của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên do ông Lâm Văn N đứng tên.

2. Buộc bị đơn Phạm Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất diện tích 647,5m² thuộc thửa số 455, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn Lâm Văn N tương ứng với số tiền là 25.900.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, chín trăm ngàn đồng).

3. Ôn định cho bị đơn Phạm Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 được quyền sử dụng đất có diện tích 647,50m² đồng thời có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất số tiền 25.900.000 đồng cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn Lâm Văn N.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 27-11-2019, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Lâm Văn N là ông Lâm Văn S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên. Ông S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo hướng buộc các ông (bà) Phạm Thị B, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 tự tháo dỡ nhà, vật, công trình xây dựng trên phần đất diện tích 647,50m², thuộc thửa số 455, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để trả lại đất cho các anh chị em của ông S theo như cam kết của bà Bướm tại Biên bản ngày 13-02-2019 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú.

* Ngày 16-12-2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 05/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án nêu trên. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo hướng áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm nêu trên và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ nguyên kháng nghị.
- Ông Lâm Văn S không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.
- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Do nguyên đơn không xác định được cụ thể vị trí đất tranh chấp và qua 04 lần Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, thẩm định tại chỗ thì thể hiện vị trí, số đo, tứ cận và diện tích đất tranh chấp đều khác nhau; Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ được vị trí cụ thể và diện tích đất tranh chấp lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với xác định phần diện tích đất tranh chấp là 647,5m² không có số đo tứ cận và cũng không phù hợp với Công văn số 747/UBND-VP ngày 11-12-2012 của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên xác định diện tích đất tranh chấp là 606m² thuộc thửa đất 455 do ông Lâm Văn N đứng tên quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của ông Lâm Văn S lập và nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên vào ngày 27-11-2019 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16-12-2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn kháng nghị theo các điều 278, 279 và 279 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 14-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Xét kháng cáo của ông Lâm Văn S và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn xác định diện tích đất tranh chấp là 570m² thuộc thửa đất số 455, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, qua 04 lần Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ (ngày 15-12-2009; ngày 09-5-2012; ngày 13-7-2016; ngày 31-10-2018) thì diện tích đất tranh chấp được xác định khác nhau và không xác định được cụ thể phần đất tranh chấp là thuộc thửa đất nào. Tại Công văn số 747/UBND-VP ngày 11-12-2012 của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên xác định trong diện tích đất tranh chấp là 1.384m² theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án thì có diện tích 778m² thuộc thửa 545 do ấp quản lý và 606m² thuộc thửa đất 455 do ông

Lâm Văn N đứng tên quyền sử dụng đất. Bản án sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 455 có diện tích là 647,5m² nhưng không xác định được vị trí cụ thể và tứ cận của phần đất này là không thể thi hành án. Do các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N, ông T đều được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên cấp vào thời điểm cấp đại trà, không đo đạc thực tế, chỉ dựa vào bản đồ không ảnh nên cần thiết phải tiến hành đo đạc thửa đất số 455 và toàn bộ các thửa đất giáp ranh thửa đất 455 (gồm các thửa đất số 454, 456, 457, 459 và 545) để có cơ sở xác định vị trí cụ thể, tứ cận và diện tích của phần đất tranh chấp và phần đất tranh chấp thuộc thửa đất nào để làm căn cứ giải quyết vụ án. Bên cạnh đó, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Sơn xác định vào năm 2005 khi bà B đắp nền nhà tại phần đất tranh chấp thì có sự tham gia của con rể ông N. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp này thuộc quyền sử dụng đất của ông N là chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chưa xem xét đến lịch sử quá trình quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp là chưa đầy đủ, cần thiết phải thu thập bổ sung chứng cứ chứng minh về quá trình quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Từ những nhận định trên, xét để có căn cứ giải quyết khách quan, toàn diện vụ án và đảm bảo bản án được thi hành trên thực tế phải thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ những vấn đề như đã phân tích trên mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục tại phiên tòa được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và không chấp nhận kháng cáo của ông Sơn, căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định khi vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Lâm Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 14-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng và chuyển hồ sơ vụ án cho

Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định khi vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lâm Văn S số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000030 ngày 27-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện Mỹ Xuyên (01);
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu: VP-HSVA (06).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Lê Thanh Vũ